

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 4-2021

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Khánh Vân
2. Bà Nguyễn Thị Ngân Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Ngọc B; sinh năm 1963
2. *Bị đơn:* Bà Mã Thị L; sinh năm 1972

Địa chỉ cùng trú tại: Số nhà 28, ngõ 405, đường L, tổ 05, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/10/2020; bản tự khai ngày 18/12/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông B khai: Ông và bà Mã Thị L đăng ký kết hôn năm 1992 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước khi kết hôn hai bên tìm hiểu nhau chưa kỹ, nên dẫn đến khi chung sống cùng nhau không có hạnh phúc, vợ chồng hay cãi chửi nhau, không yên tâm làm ăn phát triển kinh tế. Qua thời gian về hòa giải giữa ông và bà L vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Ông yêu cầu bà L phải thẳng thắn nhận lỗi lầm do bà L gây ra từ những năm bà L còn trẻ, khi ông đi vắng bà L có

quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, việc này do chính bà L thừa nhận với ông. Sau đó ông đã tha thứ để vợ chồng chung sống với nhau, nhưng qua bao nhiêu năm chung sống bà L không thấy rằng mình có sai lầm mà sửa chữa, lại gây mâu thuẫn giữa ông và các con, làm cho các con hiểu lầm ông là người cha xấu. Thực tế ông và bà L đã ly thân với nhau 6 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Do vậy, ông xin ly hôn với bà L.

- Quá trình giải quyết bị đơn bà L trình bày: Bà L xác nhận về thời gian địa điểm kết hôn và vợ chồng chung sống có mâu thuẫn là đúng. Bà L khẳng định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Ông B có hành vi chửi mắng hành hung bà, vợ chồng hay cãi chửi đánh nhau. Ông B thường xuyên không ở nhà, không quan tâm đến vợ con, đi đâu làm gì bà không biết, khi về nhà ở một hai ngày ông B lại gây sự cãi nhau với bà, hai bên không nói chuyện và không hòa giải được, vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên bà L cho rằng bà chưa muốn ly hôn vì chờ cho các con của ông bà đi xây dựng gia đình xong bà mới đồng ý ly hôn với ông B. Hiện tại bà không nhất trí ly hôn với ông B.

* Về con chung:

- Ông B trình bày: Ông và bà L có hai con chung là chị Hoàng Thị Kim H sinh năm 1992 và anh Hoàng Ngọc H sinh năm 1994. Hiện các con của ông bà đều đã trưởng thành, không đề nghị giải quyết.

- Bà L trình bày: Bà L xác nhận ông bà có hai con chung là chị H và anh H đều đã trưởng thành, không đề nghị giải quyết

* Tài sản chung, công nợ chung: Ông B và bà L không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Ông B giữ nguyên quan điểm của mình về việc xin ly hôn.

- Bà L thay đổi quan điểm nhất trí thuận tình ly hôn với ông B và đề nghị Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng.

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp

với quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy ông B và bà L kết hôn năm 1992 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang do tự nguyện. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà L nhất trí thuận tình ly hôn, nên cần công nhận.

- Về con chung: Ông B và bà L có hai con chung là chị Hoàng Thị Kim H sinh năm 1992 và anh Hoàng Ngọc H sinh năm 1994. Hiện các con của ông bà đều đã trưởng thành, không đề nghị giải quyết.

- Tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông B và Bà L đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Nay tại phiên tòa bà L mới đề nghị Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng. Yêu cầu này của bà L đã vượt quá yêu cầu đề nghị giải quyết ban đầu, nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

- Về án phí: Ông B phải chịu án phí theo quy định.

Do đó, căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Công sự thỏa thuận nhất trí thuận tình ly giữa ông B và bà L.

Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết.

Án phí: Ông B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông B và bà L cùng cư trú; địa chỉ: Tổ 05, phường Ngọc Hà, TP Hà Giang, việc ông B xin ly hôn bà L theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án xin ly hôn các đương sự yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về nội dung vụ án: Ông B và bà L đăng ký kết hôn năm 1992 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa ông B và bà L là hợp pháp. Lý do ông B xin ly hôn là sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không

hợp, thường xuyên cãi chửi nhau vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân được 6 năm. Vì vậy, cuộc sống chung không có hạnh phúc, ông B xin được ly hôn với bà L.

[4]. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của ông B là phù hợp bởi lẽ: Quá trình chung sống của ông bà không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau, vợ chồng nghi ngờ nhau về việc không chung thủy của hai bên, thời gian mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không khắc phục được tình cảm. Ông B khẳng định không còn tình cảm với bà L. Bà L cũng thừa nhận việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống, hay bất đồng quan điểm, đánh chửi nhau như ông B khai đúng, nhưng lại không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có cơ hội trở về đoàn tụ. Theo các biên bản xác minh ngày 29/3/2021; đã xác định được cuộc hôn nhân của ông Bà lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống chung của ông bà cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa ông B và bà L nhất trí thuận tình ly hôn. Do đó, cần công nhận thuận tình ly hôn cho ông B và bà L.

[5]. Về con chung: Ông B và bà L có hai con chung là chị Hoàng Thị Kim H sinh năm 1992 và anh Hoàng Ngọc H sinh năm 1994. Hiện các con của ông bà đều đã trưởng thành, không đề nghị giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông B và Bà L đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Nay tại phiên tòa bà L mới đề nghị Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng. Yêu cầu này của bà L đã vượt quá yêu cầu đề nghị giải quyết ban đầu, nên Tòa án không giải quyết. Bà L có thể khởi kiện việc chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, ông B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điều 51, 55, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 207, khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Ngọc B và bà Mã Thị L.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Kim H sinh năm 1992 và anh Hoàng Ngọc H sinh năm 1994, đều đã trưởng thành, không đề nghị giải quyết.

3. Tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4. Về Án phí: Ông B chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang biên lai số 0002359 ngày 13 tháng 11 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho ông B bà L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh HG;
- VKSND TP. Hà Giang;
- Các đương sự;
- CC THADS TP. Hà Giang;
- UBND xã Minh Khương
H. Hàm Yên, T. Tuyên Quang;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Bình